

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22B10LV** Năm học: **23-24**
Mã MH/MĐ: **MH02061** Học kỳ: **01**
Tên MH/MĐ: **Đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**
Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2253801011205	Đặng Văn Bé	Ba	30/04/1989			7	8	7.0	7.0			7.5		7.4
2	2253801011206	Lê Bình	Chiến	10/04/1990			7	7	7.0	7.0			7.0		7.0
3	2253801011207	Trần Ngọc	Diễn	17/01/1984			8	7	7.0	7.0			7.5		7.4
4	2253801011208	Nguyễn Hoàng	Giang	12/12/1993			7	7	7.0	8.0			8.5		8.0
5	2253801011209	Trần Nhật	Hào	17/10/1999			7	7	7.0	7.0			7.5		7.3
6	2253801011210	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	12/03/1987			8	7	7.0	8.0			8.5		8.1
7	2253801011211	Trần Công	Hậu	19/01/1991			7	7	7.0	7.0			8.5		7.9
8	2253801011212	Nguyễn Văn	Hết	18/04/1979			7	7	7.0	7.0			7.0		7.0
9	2253801011213	Kha Văn	Hòa	08/04/1971			7	7	7.0	7.0			8.5		7.9
10	2253801011214	Mai Thanh	Hoàng	01/01/1982			7	8	7.0	8.0			7.5		7.5
11	2253801011215	Nguyễn Thị	Huệ	20/11/1992			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
12	2253801011217	Huỳnh Văn	Khải	02/08/1992			7	8	7.0	7.0			7.0		7.1
13	2253801011218	Trần Thị	Liên	23/04/1992			8	8	7.0	7.0			8.0		7.7
14	2253801011219	Phan Thị	Liễu	10/01/1984			7	7	7.0	8.0			9.0		8.3
15	2253801011220	Nguyễn Huy	Long	02/03/1988			7	7	8.0	7.0			7.5		7.4
16	2253801011221	Trần Văn	Ngà	30/04/1989			8	7	7.0	7.0			8.0		7.7
17	2253801011222	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	28/12/1993			7	7	7.0	7.0			8.5		7.9
18	2253801011225	Lê Văn	Quý	21/09/1974			7	7	7.0	7.0			7.5		7.3
19	2253801011226	Trần Hữu	Sang	19/01/1989			7	7	8.0	7.0			8.5		8.0

Châu Đốc, ngày 27 tháng 8 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Thạch Bền